

BÀI 2 PHÂN TÍCH CÁC THAY ĐỔI PHÚC LỢI XÃ HỘI

ThS Nguyễn Thanh Sơn

I. LÝ THUYẾT VỀ THỎA DUNG CÁ NHÂN

1. Đường bàng quan và giới hạn ngân sách

- Tác động của một dự án tới xã hội
 - Xem xét tác động của dự án tới từng cá nhân bị ảnh hưởng
 - Lợi ích của các cá nhân thay đổi khi dự án tác động đến hàng hóa mà họ sử dụng:
 - Nếu dự án sử dụng hàng hóa như đầu vào cho sản xuất thì sản lượng cho tiêu dùng XH của nó sẽ giảm
 - Nếu dự án tạo ra sản phẩm đầu ra phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng thì lượng cung cho tiêu dùng XH sẽ tăng

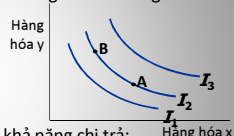
2

I. LÝ THUYẾT VỀ THỎA DUNG CÁ NHÂN

1. Đường bàng quan và giới hạn ngân sách

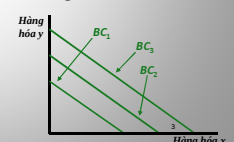
- Đường bàng quan thể hiện sở thích của người tiêu dùng:

- Dốc xuống: thể hiện đánh đổi
- Ra ngoài lớn hơn: thích nhiều hơn ít
- Không thể cắt nhau: tính nhất quán
- Lõm vào trong: sở thích cân bằng
- Đo lường thứ tự hơn là giá trị chính xác



- Đường giới hạn ngân sách thể hiện khả năng chi trả:

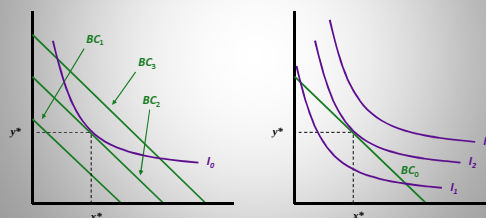
- Thể hiện mức thu nhập cho trước
- Mức giá tương đối giữa 2 hàng hóa



I. LÝ THUYẾT VỀ THỎA DUNG CÁ NHÂN

1. Đường bàng quan và giới hạn ngân sách

- Sự lựa chọn tối ưu của người tiêu dùng



4

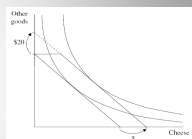
I. LÝ THUYẾT VỀ THỎA DUNG CÁ NHÂN

2. Tác động của dự án khi giá cả không đổi

- Dự án là nhỏ so với quy mô của XH: không làm ảnh hưởng đến giá trên thị trường

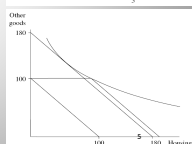
- Giá trị lợi ích dự án:

- Tương đương với giá trị của lượng hàng hóa tiêu dùng tăng lên
- Nếu người tiếp nhận không có quyền chuyển nhượng lợi ích, phải sử dụng sự sẵn sàng chi trả (WTP) để đo lường lợi ích



- Giá trị chi phí của dự án:

- Tương đương với giá trị của lượng hàng hóa tiêu dùng giảm xuống
- Nếu người tiêu dùng có quyền sử dụng loại hàng hóa tiêu dùng đó, phải sử dụng sự sẵn sàng chấp nhận (WTA) để đo lường chi phí



I. LÝ THUYẾT VỀ THỎA DUNG CÁ NHÂN

2. Tác động của dự án khi giá cả không đổi

- Phân biệt:

- Sẵn sàng chi trả (WTP): giá trị một cá nhân sẵn sàng chi trả cho một sự thay đổi hưởng lợi (nhận được giảm giá hoặc tránh được tăng giá)
- Sẵn sàng chấp nhận (WTA): giá trị một cá nhân sẵn sàng chấp nhận cho một sự thay đổi thiệt hại (không được giảm giá hoặc bị tăng giá)
- Ví dụ:
 - Sẵn sàng trả bao nhiêu tiền để nhà của mình tự trong ngõ ra mặt đường?
 - Sẵn sàng nhận bao nhiêu tiền để di dời nhà mặt đường vào trong ngõ?
- Giá trị của WTP so với WTA?

6

I. LÝ THUYẾT VỀ THỎA DỤNG CÁ NHÂN

3. Tác động của dự án khi giá cả thay đổi

- Khi dự án đủ lớn để thay đổi giá thị trường của đầu vào/đầu ra, sản lượng tiêu dùng có thể thay đổi do:
 - Sự thay đổi trong sản lượng dành cho tiêu dùng
 - Sự thay đổi giá cả khiến thị trường điều chỉnh mức sử dụng
- Ví dụ: việc khuyến khích sử dụng xăng E5, bắt buộc đổi mũ BH khi đi xe máy, cổ phần hóa các DN viễn thông

7

I. LÝ THUYẾT VỀ THỎA DỤNG CÁ NHÂN

3. Tác động của dự án khi giá cả thay đổi

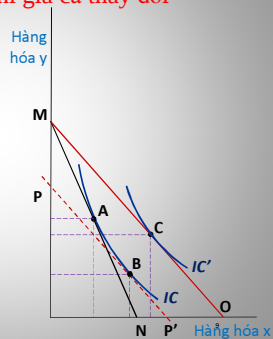
- Biến đổi bù đắp (CV) và biến đổi tương đương (EV)
- Biến đổi bù đắp (compensating variation) là giá trị tối thiểu người tiêu dùng sẵn sàng chi trả cho một sự hưởng lợi. Tác động: sẵn sàng bỏ ra bao nhiêu thu nhập để đạt được IC cao hơn như ở mức giá mới.
- Biến đổi tương đương (equivalent variation) là giá trị tối thiểu mà người tiêu dùng sẵn sàng chấp nhận cho một thiệt hại. Tác động: phải bù đắp bao nhiêu thu nhập để đạt được IC như ở mức giá trước thay đổi.

8

I. LÝ THUYẾT VỀ THỎA DỤNG CÁ NHÂN

3. Tác động của dự án khi giá cả thay đổi

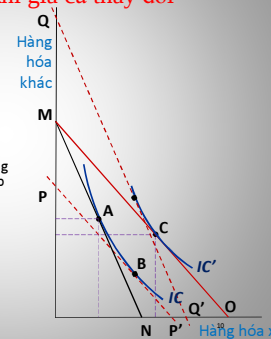
- Ví dụ: CV và EV của một tác động làm giảm giá sản phẩm
- Nhắc lại về hiệu ứng thu nhập và hiệu ứng thay thế
- Một sự biến đổi giá cả tương đối trên thị trường làm xuất hiện thay đổi hành vi tiêu dùng của người tiêu dùng: từ A sang C
 - Hiệu ứng thay thế: do giá x rẻ hơn 1 cách tương đối, dùng nhiều x hơn và ít y hơn: A sang B
 - Hiệu ứng thu nhập: do giá x giảm, khiến thu nhập thực tế của người tiêu dùng tăng (dù danh nghĩa không đổi), dùng nhiều x hơn và nhiều y hơn: B sang C



I. LÝ THUYẾT VỀ THỎA DỤNG CÁ NHÂN

3. Tác động của dự án khi giá cả thay đổi

- Ví dụ: CV và EV của một tác động làm giảm giá sản phẩm
- Giá hàng hóa x giảm, làm đường ngân sách thay đổi từ MN sang M'O
- Người tiêu dùng chuyển từ điểm A sang điểm C, sử dụng nhiều x và ít hàng hóa khác hơn
- EV: đo lường giá trị mà người tiêu dùng chấp nhận để từ bỏ quyền hưởng lợi (từ IC' sang IC). Đo lường: thu nhập thay đổi thế nào để giá x trước dự án vẫn đạt được thỏa dụng IC': MQ (MN và Q'Q')
- CV: đo lường giá trị mà người tiêu dùng bỏ ra để được hưởng quyền lợi (từ IC sang IC'). Đo lường: thu nhập thay đổi thế nào để giá x sau dự án tăng từ IC sang IC': MP (PP' và MO)



I. LÝ THUYẾT VỀ THỎA DỤNG CÁ NHÂN

3. Tác động của dự án khi giá cả thay đổi

- Biến đổi bù đắp và biến đổi tương đương trong CBA
- CV lấy hiện trạng (trước dự án) làm cơ sở, người tiêu dùng có quyền được hưởng lợi như hiện trạng.
- EV lấy kết quả (sau dự án) làm cơ sở, người tiêu dùng có quyền được hưởng hưởng lợi như kết quả.
- Ví dụ: một dự án có thể làm tăng giá vé xe bus từ 5000đ lên 10000đ hoặc giảm từ 5000đ xuống 3000đ. Giá trị của sự biến đổi này đo lường thế nào?
 - Với CV: hiện trạng 5000đ là quyền lợi, nếu dự án làm tăng giá thì phải người tiêu dùng phải được đền bù tương đương với WTA của họ. Nếu dự án làm giảm giá thì người tiêu dùng được lợi, nên phải chấp nhận trả WTP.
 - Với EV: nếu dự án làm tăng giá, kết quả 10000đ là quyền lợi của người tiêu dùng, giá 5000đ họ được lợi, nên phải trả WTP. Nếu dự án làm giảm giá, quyền của người tiêu dùng được hưởng hưởng 3000đ, họ sẽ đòi hỏi nhận WTA để đo lường giá trị sự thay đổi giá vé xe bus.
- CV thường được sử dụng trong CBA với: WTP cho lợi ích và WTA cho chi phí
- Việc trao quyền giúp phân biệt lợi ích-chi phí với các khoản chuyển giao

11

II. PHỨC LỢI XH VÀ LỢI ÍCH XH RỘNG

1. Tiêu chí phúc lợi xã hội đơn giản hóa

- Từ tiêu chí phúc lợi xã hội, ta có:

$$dw = \sum_i \frac{\partial w}{\partial u_i} \frac{\partial u_i}{\partial Y} P_i dx_i$$

- Phần trước, các biến đổi tác động (CV & EV) của dự án đều là giá trị quy bằng tiền của thay đổi sản lượng:

$$NB_i = \sum_i P_i dx_i$$

- Với các giả định của CBA, chúng ta đơn giản hóa vấn đề:

- Giả định mọi cá nhân trong XH là như nhau: $dw/du = 1$
- Tiêu chí K-H (Pareto tiềm năng) bỏ qua sự khác biệt về thỏa dụng biên của thu nhập giữa các cá nhân: $du_i/dY = 1$
- Tiêu chí phúc lợi XH còn lại:

$$dw = \sum_i 1 * P_i dx_i = \sum_i NB_i$$

12

II. PHÚC LỢI XH VÀ LỢI ÍCH XH RÒNG

1. Tiêu chí phúc lợi xã hội đơn giản hóa

- Như vậy, bằng cách xác định CV (EV) ta có thể xác định phúc lợi xã hội (lợi ích XH ròng): được thực hiện chủ yếu dựa trên đường cầu Hicks
- Các nhà kinh tế đã chứng minh việc sử dụng đường cầu Marshall cho ra giá trị gần đúng với CV, EV (sai số nhỏ hơn sai số vốn có của ước tính đường cầu)
- Từ đó, ta có thể sử dụng cách khác để tính lợi ích XH ròng là thông qua việc xác định tổng thay đổi thặng dư tiêu dùng (tổng lợi ích của người tiêu dùng) và tổng thay đổi thặng dư sản xuất (tổng lợi ích của người sản xuất)

$$dW = dCS + dPS$$

23

II. PHÚC LỢI XH VÀ LỢI ÍCH XH RÒNG

2. Thặng dư tiêu dùng

- Đường cầu:
 - Mối quan hệ giữa lượng được cầu với các mức giá
 - Thể hiện sự sẵn sàng chi trả của người tiêu dùng biên
 - Người tiêu dùng biên: người tiêu dùng sẽ từ bỏ thị trường khi giá tăng thêm 1 đơn vị
- Đường cung:
 - Mối quan hệ giữa lượng được cung với các mức giá
 - Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, đồng thời là một phần của đường chi tiêu biên
 - Thể hiện chi phí cơ hội của việc tham gia thị trường của người sản xuất biên
 - Người sản xuất biên: người sản xuất sẽ từ bỏ thị trường khi giá giảm thêm 1 đơn vị

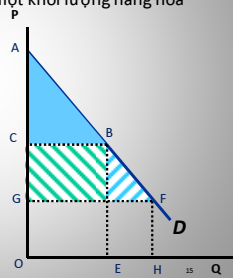
24

II. PHÚC LỢI XH VÀ LỢI ÍCH XH RÒNG

2. Thặng dư tiêu dùng

- Là tổng lợi ích ròng (sẵn sàng chi trả trừ đi chi phí) mà người tiêu dùng đạt được khi tiêu dùng một khối lượng hàng hóa
- Tổng giá trị mà người tiêu dùng sẵn cho một lượng hàng hóa nhất định = tổng chi tiêu + thặng dư tiêu dùng
- Thay đổi CS khi có sự thay đổi giá

$$\Delta CS = 0.5(Q_1 + Q_2)(P_1 - P_2)$$



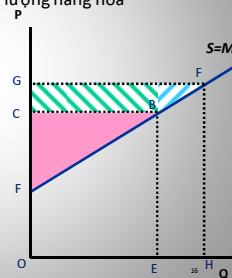
25

II. PHÚC LỢI XH VÀ LỢI ÍCH XH RÒNG

3. Thặng dư sản xuất

- Là tổng lợi ích ròng (lợi ích trừ đi chi phí) mà người sản xuất nhận được khi cung ứng một khối lượng hàng hóa
- Là sự chênh lệch giữa mức doanh thu với chi phí cơ hội của việc tham gia thị trường
- Tương đương với lợi nhuận kinh tế không bao hàm các chi phí cố định, hay chênh lệch giữa tổng doanh thu và chi phí biên
- Thay đổi PS khi có sự thay đổi giá

$$\Delta PS = 0.5(Q_1 + Q_2)(P_2 - P_1)$$

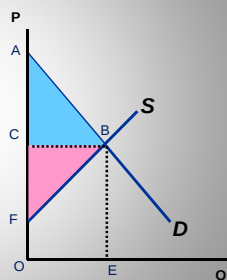


26

II. PHÚC LỢI XH VÀ LỢI ÍCH XH RÒNG

4. Lợi ích XH ròng

- Biểu thị sự chênh lệch giữa lợi ích mà XH thu nhận được thông qua việc tiêu dùng số lượng hàng hóa và các chi phí nguồn lực mà XH phải bỏ để sản xuất được lượng hàng hóa đó
- Trong cơ chế thị trường:
 - Bảng tổng thặng dư sản xuất (BCF) và thặng dư tiêu dùng (ABC): ABF
 - Bảng tổng lợi ích tiêu dùng của XH (OABE) trừ đi tổng chi phí nguồn lực XH (OFBE)

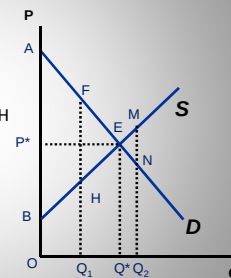


27

II. PHÚC LỢI XH VÀ LỢI ÍCH XH RÒNG

4. Lợi ích XH ròng

- Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, lợi ích ròng XH đạt được là tối đa: E là điểm hiệu quả Pareto
- Lợi ích ròng XH = tổng lợi ích tiêu dùng XH – tổng chi phí nguồn lực XH
- NSB = WTP – OC
- NSB = CS + PS
- Bất kỳ nguyên nhân nào làm sản lượng lệch ra khỏi Q* cũng làm giảm lợi ích XH ròng: Q₁, Q₂



28

BÀI TẬP

Bài 1: Cho dự án chuyển từ trạng thái A sang trạng thái B tác động đến 2 người

Joe và Chandler như sau:

	WTP	WTA
Joe	CV = + \$100	EV = + \$135
Chandler	EV = - \$110	CV = - \$120

- Dự án có nên thực hiện không?
- Dự án chuyển từ trạng thái B sang A có nên thực hiện không?
- Có các giá trị CV và EV nào để thỏa mãn cả A sang B và B sang A đều nên thực hiện không?

Bài 2: Cho phương trình đường cầu: $P=100 - 2Q$

Tính thặng dư tiêu dùng thay đổi khi giá thay đổi từ 20 xuống 16?

Từ 20 lên 30? Theo biến đổi CV, bạn nhận định giá trị thực tế của những thay đổi này là lớn hơn hay nhỏ hơn con số tính ra?

Bài 3: Hãy minh họa trên đồ thị giá trị CV, EV của một tác động làm tăng giá hàng hóa x. Chứng minh $CV > EV$.

23